BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 538 /QĐ-ĐHNL-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/V Công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên - Tiếng Anh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ Trường Đại học".

Căn cứ Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 163/QĐ-ĐT-ĐHNL ngày 14 tháng 2 năm 2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm TP.HCM về ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên-Tiếng Anh cho sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết quả kỳ thi đánh giá chuẩn đầu ra Tiếng Anh tổ chức ngày 03 tháng 3 năm 2013;

Xét đề nghị của Hội đồng đánh giá kết quả ngày 19/3/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên - Tiếng Anh cho 602 sinh viên có tên trong danh sách đính kèm .

Điều 2: Sinh viên có tên trong danh sách được xét miễn hai học phần tiếng Anh điều kiện (Anh văn 1 và Anh văn 2) theo quy định tại khoản 2 điều 1 của Quyết định số 163/QĐ-ĐT-ĐHNL ngày 14 tháng 2 năm 2011 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm TP.HCM.

Điều 3: Các Ông Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Khoa/Bộ môn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu ĐT, HC.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH B1

(Ban hành kèm theo quyết định số 538/QĐ ký ngày 21 / 3 /2013)

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
1	09363143	Nguyễn Huỳnh	Như	11/8/1991	CD09CA
2	09363134	Bùi Thị	Nhanh	15/12/88	CD09CA
3	09363178	Nguyễn Phương	Thảo	13/11/91	CD09CA
4	09363097	Dương Thúy	Kiều	5/4/1991	CD09CA
5	09363042	Nguyễn Thị Thùy	Dung	28/12/90	CD09CA
6	09363030	Trương Thị Mộng	Cầm	26/07/91	CD09CA
7	09363158	Trần Thị	Phượng	2/6/1991	CD09CA
8	09363091	Ngô Thị Xuân	Hương	13/06/91	CD09CA
9	09363067	Chu Thị Hồng	Hạnh	9/1/1990	CD09CA
10	09363154	Võ Thị Bích	Phương	20/06/90	CD09CA
11	09363213	Lâm Thị Minh	Thư	15/02/91	CD09CA
12	09363218	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	/ /90	CD09CA
13	09333184	Hoàng Thị	Xuân	4/12/1991	CD09CQ
14	09333029	Nguyễn Tấn	Đạt	5/11/1991	CD09CQ
15	09333141	Võ Thị Hiếu	Thảo	20/10/90	CD09CQ
16	09333160	Đặng Thị Huyền	Trân	24/12/91	CD09CQ
17	09333181	Lê Hoài	Vy	6/5/1990	CD09CQ
18	09333102	Lê Thị Minh	Nữ	2/10/1991	CD09CQ
19	09333163	Nguyễn Thành	Trung	13/10/91	CD09CQ
20	09333104	Nguyễn Thị	Ny	7/6/1991	CD09CQ
21	09333169	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	12/3/1991	CD09CQ
22	09333019	Đào Lê Kỳ	Duyên	14/11/91	CD09CQ
23	09333014	Võ Minh	Cảnh	6/7/1991	CD09CQ
24	09333133	Nguyễn Dương	Thanh	6/10/1990	CD09CQ
25	09333132	Lê Thị	Thanh	15/02/91	CD09CQ
26	09333179	Hoàng Xuân	Vũ	30/10/91	CD09CQ
27	09336116	Nguyễn Thị	Mận	30/10/90	CD09CS
28	09336127	Lê Thị Minh	Nguyệt	13/11/91	CD09CS
29	09336093	Đinh Thị	Lạc	10/1/1991	CD09CS
30	09336141	Lý Thiên Hoàng	Phú	6/3/1988	CD09CS
31	09336132	Đặng Thị Mỹ	Nhung	19/11/91	CD09CS
32	09336202	Nguyễn Văn	Tin	3/10/1990	CD09CS
33	09329050	Phạm Nguyễn Phú	Lợi	24/11/91	CD09TH
34	09329073	Bồ Minh	Sang	/ /90	CD09TH
35	09329032	Nguyễn Đình	Huy	27/02/91	CD09TH
36	09329024	Lê Thị Kiều	Giang	1/1/1991	CD09TH
37	10363185	Bùi Thị	Thanh	2/9/1990	CD10CA
38	10363183	Trần Thị	Quyên	18/11/91	CD10CA
39	10363037	Phạm Thị Trà	My	27/07/92	CD10CA
40	10363137	Nguyễn Thị	Thương	28/06/92	CD10CA

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
41	10344084	Trần Hiếu	Trung	31/05/91	CD10CI
42	10344047	Trần Đức	Mỹ	19/10/90	CD10CI
43	10333161	Lê Nguyễn Phương	Dung	26/04/92	CD10CQ
44	10333132	Trần Thị Kim	Thuyền	14/09/91	CD10CQ
45	10333101	Lâm Quang	Lợi	1/1/1992	CD10CQ
46	10333021	Lê Thanh	Tùng	3/9/1992	CD10CQ
47	10333144	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/03/92	CD10CQ
48	10333005	Dương Hoài	Ân	8/8/1992	CD10CQ
49	10333102	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	15/05/92	CD10CQ
50	10333091	Đinh Thị Thúy	Trang	21/06/92	CD10CQ
51	10333048	Lê Thành	Linh	1/2/1992	CD10CQ
52	10333138	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	6/3/1992	CD10CQ
53	09141101	Lương Công Minh	Tài	24/01/91	CD10CS
54	10336150	Võ Văn	Đạo	2/10/1992	CD10CS
55	10336136	Nguyễn Quốc	Tấn	10/2/1991	CD10CS
56	10336054	Lê Ngọc	Tú	9/4/1992	CD10CS
57	10336131	Trần Mộng	Nhất	1/10/1992	CD10CS
58	11363030	Hoàng Thị	Hồng	10/4/1993	CD11CA
59	11363142	Đặng Thị Phương	Thảo	12/8/1993	CD11CA
60	11363220	Ngô Đoàn Hoài	Thương	9/2/1993	CD11CA
61	11344027	Nguyễn Hoàng Xuân	Khang	2/9/1993	CD11CI
62	11344037	Võ Phi	Phụng	24/06/93	CD11CI
63	11333202	Lương Thị Mỹ	Tiên	8/3/1992	CD11CQ
64	11333129	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	11/11/1993	CD11CQ
65	11333016	Phạm Thảo	Sương	5/8/1993	CD11CQ
66	11333203	Trần Văn	Tiến	7/2/1993	CD11CQ
67	11336039	Nguyễn Thị Hà	Phương	17/11/93	CD11CS
68	11336237	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	15/07/93	CD11CS
69	11336022	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13/08/92	CD11CS
70	11336229	Phạm Thị Thanh	Hằng	31/03/92	CD11CS
71	12333340	Phạm Thị Thanh	Loan	19/09/94	CD12CQ
72	08125114	Nguyễn Thành	Luận	6/4/1990	DH08BQ
73	07125070	Nguyễn Chí	Hiếu	29/07/89	DH08BQ
74	08125083	Nguyễn Thị	Hương	6/6/1990	DH08BQ
75	08125207	Võ Trần Ngọc	Toàn	20/11/89	DH08BQ
76	08145089	Phạm Tuấn	Thông	4/9/1990	DH08BV
77	08145077	Phạm Thanh	Sang	22/08/90	DH08BV
78	07115005	Nguyễn Phúc	Duy	12/2/1989	DH08CB
79	08115028	Trần Văn	Cường	11/6/1990	DH08CB
80	08115025	Hoàng Trọng	Vĩnh	22/05/88	DH08CB
81	08153025	Nguyễn Thành	Tài	20/10/90	DH08CD
82	07153028	Nguyễn Tấn	Phát	2/8/1989	DH08CD
83	08153017	Lê Al	Pha	26/07/90	DH08CD
84	07153065	Ngô Tiến	Nghị	31/05/87	DH08CD

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
85	07153021	Trần Quang	Khải	5/3/1988	DH08CD
86	08131097	Huỳnh Thị Yến	Ly	20/05/90	DH08CH
87	08131159	Bùi Nguyên	Thọ	8/3/1990	DH08CH
88	08131075	Nguyễn Minh	Khánh	7/10/1990	DH08CH
89	08131003	Nguyễn Trần Thu	An	3/10/1990	DH08CH
90	08131192	Nguyễn Hoàng	Vũ	27/04/90	DH08CH
91	08131137	Nguyễn Nhật	Sinh	25/03/90	DH08CH
92	08119005	Nguyễn Văn	Sự	20/11/90	DH08CK
93	08118023	Mai Nhật	Huy	13/08/88	DH08CK
94	08118006	Đinh Văn	Huy	13/11/90	DH08CK
95	08118004	Lê Văn	Giang	2/12/1990	DH08CK
96	08111015	Lý Minh	Hoàng	31/07/90	DH08CN
97	08111024	Võ Trọng	Nghĩa	14/03/90	DH08CN
98	08111011	Dương Hải	Đăng	/ /86	DH08CN
99	08117076	Võ Văn	Hưng	20/05/90	DH08CT
100	08151044	Hoàng Ngọc	Tuyên	1/8/1990	DH08DC
101	08151005	Đào Nhật	Huy	1/11/1990	DH08DC
102	08151045	Mai Thanh	Tùng	2/1/1990	DH08DC
103	08130118	Nguyễn Văn	Nam	/ /88	DH08DT
104	08130079	Đỗ Thành	Tâm	20/10/88	DH08DT
105	08130073	Nguyễn Dương Hoàng	Quyên	22/10/90	DH08DT
106	08130098	Nguyễn Đức	Tuân	15/10/90	DH08DT
107	08130082	Lê Văn	Thanh	19/04/90	DH08DT
108	08130031	Nguyễn Văn	Hoàng	30/01/90	DH08DT
109	08130106	Nguyễn Văn	Vận	18/12/89	DH08DT
110	08142095	Lê Thành	Luân	16/04/90	DH08DY
111	08142030	Võ Việt	Dũng	17/06/90	DH08DY
112	08142186	Lê Văn	Tiến	1/6/1990	DH08DY
113	08134001	Đoàn Thị Kim	Hiền	30/10/90	DH08GB
114	08134004	Nguyễn Minh	Thiện	12/4/1990	DH08GB
115	08134021	Võ Thị Kiều	Hoa	25/05/90	DH08GB
116	08123098	Nguyễn Thị	Mến	22/09/90	DH08KE
117	08123112	Lê Thiện Vy	Ngân	3/3/1990	DH08KE
118	07123289	Lê Thị Thanh	Xuân	4/5/1988	DH08KE
119	07123077	Chung Thị	Hồng	20/02/89	DH08KE
120	07123294	Phan Thị	Xuyến	7/9/1988	DH08KE
121	08143055	Nguyễn Thị	Như	16/03/90	DH08KM
122	07143046	Huỳnh Lê	Viên	8/5/1989	DH08KM
123	08120009	Hoàng Ngọc	Hiền	12/10/1989	DH08KT
124	08121002	Vi Thị	Thương	23/09/86	DH08KT
125	07146002	Phạm Tuấn	Anh	2/12/1988	DH08KT
126	07114098	Kiên Thị Hồng	Tiến	15/05/88	DH08KT
127	07114097	Thạch Thị	Thuyền	2/2/1986	DH08KT
128	08114008	Lê Quốc	Cường	24/11/90	DH08LN

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
129	08114083	Vũ Thị	Thịnh	2/11/1989	DH08LN
130	07114096	Mang Duy Công	Thịnh	28/01/87	DH08LN
131	08114141	Nguyễn Hữu	Nhật	10/2/1990	DH08LN
132	07114004	Phan Văn	Công	29/07/86	DH08LN
133	08127062	Nguyễn Viết	Lên	17/02/89	DH08MT
134	08127057	Lê Ngọc	Khánh	27/02/90	DH08MT
135	08113164	Phạm Văn	Tiến	4/4/1988	DH08NH
136	07113153	Đào Duy	Phương	5/7/1988	DH08NH
137	08146103	Bá Từ Nữ Quỳnh	Anh	26/06/89	DH08NK
138	08146028	Lê Thanh	Hải	2/1/1990	DH08NK
139	08146014	Châu Thành	Diệu	30/03/88	DH08NK
140	08146187	Đặng Thị	Thao	6/6/1990	DH08NK
141	08146083	Đỗ Duy	Thanh	1/6/1990	DH08NK
142	08146122	Thạch	Tâm	26/01/87	DH08NK
143	08146207	Lê Công	Trứ	7/7/1990	DH08NK
144	08146105	Siu	Chao	4/5/1987	DH08NK
145	08137057	Đinh	Nguyễn	10/6/1989	DH08NL
146	08116087	Lê Trúc	Ly	1/4/1990	DH08NT
147	08141005	Nguyễn Ngọc Anh	Duy	15/08/90	DH08NY
148	08141145	Nguyễn Đức	Tính	28/12/90	DH08NY
149	08154035	Lê Việt	Triều	1/8/1990	DH08OT
150	08154056	Lê Công	Nguyên	1/5/1990	DH08OT
151	08124067	Trần Minh	Tâm	14/10/90	DH08QL
152	08124056	Võ Xuân	Phú	28/07/90	DH08QL
153	08146123	Nguyễn Hồng	Thanh	20/07/88	DH08QL
154	08124105	Nguyễn Xuân	Xa	12/10/1990	DH08QL
155	07149155	Hoàng Tiến	Trung	8/10/1988	DH08QM
156	08149132	Trần Thị	Thơm	22/05/90	DH08QM
157	08149201	Vũ Trường	Anh	5/7/1990	DH08QMGI
158	08147160	Hồ Minh	Quý	1/5/1990	DH08QR
159	08122134	Nguyễn Phúc	Tính	13/03/90	DH08QT
160	08122110	Đặng Trọng	Thanh	13/08/89	DH08QT
161	08126150	Trần	Pháp	12/12/1988	DH08SH
162	08126078	Nguyễn Minh	Hoàng	20/11/90	DH08SH
163	08126267	Võ Đức	Tuấn	26/07/90	DH08SH
164	08126303	Long Quang	Vũ	16/09/87	DH08SH
165	08158051	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	21/01/90	DH08SK
166	08158197	Nguyễn Thị	Thơm	3/8/1988	DH08SK
167	08158142	Nguyễn Duy	Tài	9/10/1988	DH08SK
168	08132018	Nguyễn Văn	Hai	12/12/1989	DH08SP
169	08161173	Lê Văn	Tèo	20/04/87	DH08TA
170	08161107	Trần Nhật	Linh	22/11/90	DH08TA
171	08161257	Nguyễn Ngọc	Vĩnh	6/8/1990	DH08TA
172	08161211	Đinh Thị	Trang	19/11/90	DH08TA

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
173	08161092	Phan Đức	Khương	20/06/90	DH08TA
174	08161109	Ngô Văn	Long	20/04/90	DH08TA
175	08161098	Hoàng Tuấn	Kỳ	18/09/90	DH08TA
176	08161088	Võ Văn	Khắp	20/01/88	DH08TA
177	07111058	Lê Trung	Kiên	26/10/87	DH08TA
178	08161226	Nguyễn Lê	Trung	26/06/90	DH08TA
179	08135052	Phan Nhật	Nam	25/12/88	DH08TB
180	08135028	Bùi Công	Huy	29/03/90	DH08TB
181	08164004	Ngô Minh	Cảnh	26/08/90	DH08TC
182	08138018	Vũ Thế	Anh	10/7/1989	DH08TD
183	08138007	Ngô Đắc	Lợi	25/12/90	DH08TD
184	08160109	Nguyễn Thị Hằng	Nga	20/03/90	DH08TK
185	08160106	Lương Sô	Na	6/6/1989	DH08TK
186	08160179	Lê Danh	Trứ	1/7/1990	DH08TK
187	08150111	Nguyễn Thị Diễm	Phương	20/08/90	DH08TM
188	08112106	Tăng Hải	Hưng	2/8/1990	DH08TY
189	08112144	Phạm Ngọc Thùy	Linh	12/5/1990	DH08TY
190	08112058	Nguyễn Thị	Đương	24/04/89	DH08TY
191	08112034	Nguyễn Thị Kỳ	Danh	8/12/1990	DH08TY
192	09125090	Nguyễn Thị Mỹ	Mến	4/4/1991	DH09BQ
193	09125211	Lê Quang	Vịnh	17/01/91	DH09BQ
194	09125098	Biện Thị Kim	Ngân	1/10/1991	DH09BQ
195	09125104	Phan Thị	Nhã	11/11/1991	DH09BQ
196	09145083	Huỳnh Văn	Phong	10/12/1991	DH09BV
197	09145034	Lê Trung	Hiếu	20/07/90	DH09BV
198	09115065	Hoàng Trường	Giang	14/09/91	DH09CB
199	09115041	Nguyễn Thanh	Tâm	8/10/1991	DH09CB
200	09115024	Thái Bình	Long	18/10/91	DH09CB
201	09119017	Phan Thị	Linh	5/9/1991	DH09CC
202	09119008	Trần Văn	Đạt	29/01/91	DH09CC
203	09153027	Đặng Văn	Thức	3/8/1989	DH09CD
204	09153052	Ngô Văn	Khánh	20/07/90	DH09CD
205	09153023	Nguyễn Hùng	Sơn	26/05/91	DH09CD
206	09153005	Lê Hoàng	Hiệp	17/11/91	DH09CD
207	09153034	Trần Sỹ	Tùng	26/05/91	DH09CD
208	09131073	Nguyễn Thị Bích	Tiền	2/10/1991	DH09CH
209	09131066	Nguyễn Thanh	Tài	2/1/1990	DH09CH
210	09118004	Võ Thế	Đạt	1/10/1990	DH09CK
211	09111034	Lê Hữu	Phước	9/5/1991	DH09CN
212	09117011	Nguyễn Trường	Chinh	27/06/91	DH09CT
213	09117158	Nguyễn Văn	Tây	15/01/91	DH09CT
214	09117155	Huỳnh Văn	Tân	20/11/90	DH09CT
215	09117140	Võ Thị	Phường	16/08/90	DH09CT
216	09117129	Phạm Thị	Oanh	4/2/1991	DH09CT

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
217	09151021	Võ Thị Thùy	Trang	5/2/1991	DH09DC
218	09151031	Trần Văn	Chinh	15/07/89	DH09DC
219	09151049	Phan Thị Ngọc	Mai	23/12/91	DH09DC
220	09148085	Nguyễn Văn	Mạnh	13/10/91	DH09DD
221	09148125	Phan Thị	Quý	11/10/1991	DH09DD
222	09148113	Đặng Ngọc	Oanh	9/1/1991	DH09DD
223	09148184	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	11/6/1991	DH09DD
224	09157089	Trần Thị Ngọc	Kim	21/01/91	DH09DL
225	09130044	Thạch Phương	Lộc	29/06/91	DH09DT
226	09142009	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	15/02/91	DH09DY
227	09134002	Nguyễn Trọng	Duy	1/2/1990	DH09GB
228	09139136	Lưu Thị	Phượng	20/06/90	DH09HH
229	09123162	Nguyễn Xuân	Thủy	16/02/91	DH09KE
230	09123008	Nguyễn Ngọc Bích	Châu	13/05/91	DH09KE
231	09123131	Đặng Thành	Sự	17/11/91	DH09KE
232	09123145	Nguyễn Thị	Thắm	10/8/1991	DH09KE
233	09143027	Huỳnh Thị Bích	Phượng	8/12/1991	DH09KM
234	09143062	Dương Thị Mỹ	Lan	1/1/1991	DH09KM
235	09120012	Nguyễn Trúc	Linh	10/7/1991	DH09KT
236	09121002	Phạm Thị Diệu	Hiền	24/08/91	DH09KT
237	09114088	Lê Minh	Cảnh	29/01/90	DH09LN
238	09114002	Phan Văn	Bản	4/4/1991	DH09LN
239	09113143	Võ Minh	Thư	10/11/1991	DH09NH
240	09113150	Đặng Trung	Tiến	16/02/91	DH09NH
241	09113121	Lê Phong	Thái	6/2/1991	DH09NH
242	09113037	Nguyễn Trung	Hiếu	1/1/1988	DH09NH
243	09113068	Đặng Thành	Luân	18/01/89	DH09NH
244	09137038	Võ Đại	Nghĩa	8/7/1991	DH09NL
245	09116031	Nguyễn Biển	Đức	12/4/1988	DH09NT
246	09116159	Trần Cao Diễm	Thúy	27/05/90	DH09NT
247	09141018	Nguyễn Phúc	Lộc	10/10/1991	DH09NY
248	09154011	Nguyễn Văn	Điền	7/10/1991	DH09OT
249	09154081	Huỳnh	Ngã	24/03/91	DH09OT
250	09154027	Chế Minh	Khiêm	18/11/91	DH09OT
251	09154002	Lê Hoàng	Ân	16/07/91	DH09OT
252	09124059	Nguyễn Đức	Nghĩa	5/11/1991	DH09QL
253	09124012	Huỳnh Hiệp	Định	14/05/91	DH09QL
254	09124061	Trần Thị	Ngoan	2/2/1991	DH09QL
255	09124093	Phạm Thị Đông	Thu	15/07/91	DH09QL
256	09113212	Huỳnh Ngọc	Định	4/10/1990	DH09QL
257	09124070	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	15/05/89	DH09QL
258	09124010	Nguyễn Sỹ	Dũng	12/6/1989	DH09QL
259	09149150	Huỳnh Thị Mỹ	Phương	30/12/91	DH09QM
260	09149099	Đỗ Lâm Đăng	Lành	15/07/91	DH09QM

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
261	09149163	Nguyễn Phương	Quyên	16/06/88	DH09QM
262	09149281	Thạch Hoàn	Duy	16/09/89	DH09QM
263	09147044	Trần Đình	Hưng	27/02/91	DH09QR
264	09147053	Phạm Vũ	Linh	20/12/91	DH09QR
265	09147110	Lê Công	Toản	12/4/1991	DH09QR
266	09122053	Nguyễn Văn	Hòa	12/3/1991	DH09QT
267	09122127	Phạm Ngọc	Thạch	20/02/91	DH09QT
268	09122118	Lê Kiều	Tâm	14/03/91	DH09QT
269	09122056	Nguyễn Thị	Huệ	15/05/91	DH09QT
270	09122063	Đỗ Lê	Khoa	30/07/91	DH09QT
271	09122061	Trần Nam	Hùng	22/03/91	DH09QT
272	09122009	Hoàng Thế Thanh	Cảnh	31/03/91	DH09QT
273	09126244	Bàn Hữu	Trịnh	28/11/91	DH09SH
274	09126178	Chau Phi	Rinne	27/03/91	DH09SH
275	09126208	Nguyễn Xuân	Thắng	10/12/1991	DH09SH
276	09126280	Danh Duy	Cường	7/2/1990	DH09SH
277	09126292	Nguyễn Thị Thiên	Trang	25/05/90	DH09SH
278	09158111	Đặng Ngọc Phương	Tươi	25/08/90	DH09SK
279	09158048	Trần Đức	Nhơn	30/01/91	DH09SK
280	09161074	Nguyễn Minh	Luân	13/08/91	DH09TA
281	09135001	Trần Nguyễn T Thùy	An	25/01/91	DH09TB
282	09135123	Trần Nguyễn Thiên	Ngân	28/10/91	DH09TB
283	09135131	Đoàn Thị Hồng	Nhung	29/07/1991	DH09TB
284	09135166	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyến	29/12/91	DH09TB
285	09138028	Nguyễn Mạnh	Hoàn	23/09/91	DH09TD
286	09138049	Trần Minh	Trí	23/10/90	DH09TD
287	09160007	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	15/07/91	DH09TK
288	09160119	Trịnh Minh	Tâm	14/10/91	DH09TK
289	09160169	Nông Hoàng	Vũ	5/1/1991	DH09TK
290	09160052	Nguyễn Ngọc	Huyền	6/2/1991	DH09TK
291	09160139	Lê Thanh	Trà	14/03/91	DH09TK
292	09160006	Nguyễn Ngọc	Anh	24/09/91	DH09TK
293	09150028	Nguyễn Minh	Hạnh	16/06/91	DH09TM
294	09150085	Hồ Thị Phương	Thảo	24/04/91	DH09TM
295	09150076	Cháu Trung	Quân	20/03/91	DH09TM
296	09150105	Kiều Thị Hà	Trinh	10/6/1990	DH09TM
297	09112085	Trần Thị Trúc	Linh	25/02/91	DH09TY
298	09112120	Kiều Vũ	Phương	1/4/1991	DH09TY
299	09156022	Nguyễn Trần	Huy	8/10/1991	DH09VT
300	09156116	Bùi Nguyễn Hồng	Vy	10/9/1991	DH09VT
301	10125191	Huỳnh Đình Thanh	Việt	6/10/1992	DH10BQ
302	10125063	Sái Thị	Hoài	14/10/92	DH10BQ
303	10125168	Lê Hoàng	Tín	4/8/1992	DH10BQ
304	10125166	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	22/10/92	DH10BQ

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
305	10145061	Lê Diễm	Hương	3/9/1992	DH10BV
306	10145021	Lê Tấn	Cường	24/05/92	DH10BV
307	10145015	Hoàng Thị Trúc	Chi	20/10/92	DH10BV
308	10145116	Lâm Công	Quí	22/09/92	DH10BV
309	10145103	Hồ Quốc	Oai	4/11/1992	DH10BV
310	10145017	Trần Thị Mỹ	Chi	3/9/1992	DH10BV
311	10115010	Bùi Trung	Tín	27/01/92	DH10CB
312	10119004	Nguyễn Văn	Sĩ	/ /91	DH10CC
313	10153068	Đặng Trần Hoài	Lộc	12/11/1992	DH10CD
314	10153088	Võ Bé	Việt	/ /92	DH10CD
315	10153064	Hoàng Văn	Trang	19/06/91	DH10CD
316	10131081	Trần Triệu	Vỹ	24/09/91	DH10CH
317	10118004	Lê Khõe	Quí	18/04/92	DH10CK
318	10111007	Trần Đình	Cương	22/09/91	DH10CN
319	10111060	Phạm Tường	Huy	10/2/1992	DH10CN
320	10111048	Nguyễn Thị	Diễm	2/7/1992	DH10CN
321	10117212	Võ Thị Thủy	Tiên	18/12/92	DH10CT
322	10117074	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	9/5/1992	DH10CT
323	10151072	Huỳnh Thụy Diễm	Thúy	5/5/1992	DH10DC
324	10151011	Mai Hoài	Hiếu	8/7/1992	DH10DC
325	10151051	Phùng Thị	Dung	18/11/91	DH10DC
326	10151097	Nguyễn Hạnh	Yên	22/08/92	DH10DC
327	10148050	Trần Anh	Đức	7/9/1992	DH10DD
328	10148276	Lê Bạch Ngọc	Trân	12/6/1991	DH10DD
329	10148103	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	11/9/1992	DH10DD
330	10157054	Nguyễn Song	Hào	27/03/92	DH10DL
331	10157226	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tú	24/10/92	DH10DL
332	10157087	Đặng Thị	Liễu	17/01/92	DH10DL
333	10157057	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	2/8/1992	DH10DL
334	10157080	Võ Châu Việt	Khuê	9/2/1992	DH10DL
335	10157061	Lê Thị Mỹ	Hiền	2/6/1992	DH10DL
336	10130036	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	5/4/1991	DH10DT
337	10130078	Hồ Minh	Thành	5/11/1992	DH10DT
338	10130121	Đặng Phượng	Hằng	5/6/1992	DH10DT
339	10130107	Võ Minh	Quận	26/12/92	DH10DT
340	10142083	Lê Thị Bích	Ly	2/8/1992	DH10DY
341	10142046	Cao Thị	Hoài	20/09/90	DH10DY
342	10142088	Chềnh Gia	Minh	19/10/92	DH10DY
343	10142110	Từ Như	Nhị	25/08/92	DH10DY
344	10134018	Văn Thị Trung	Nghiệp	5/10/1992	DH10GB
345	10134004	Thái Thị	Hoài	5/6/1991	DH10GB
346	10134036	Bùi Hữu	Hanh	1/10/1992	DH10GB
347	10173007	Trần Thị Kim	Liên	20/06/92	DH10GE
348	10173019	Thái Nguyễn Ngọc	Thanh	15/12/90	DH10GE

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
349	10162002	Đỗ Thế	Dũng	4/1/1991	DH10GE
350	10169008	Lê Thị Ngọc	Linh	8/11/1992	DH10GN
351	10139093	Lê Thúc	Hưng	10/12/1992	DH10HH
352	10139286	Nguyễn Nhật	Vũ	5/11/1992	DH10HH
353	10139236	Cao Thị Mỹ	Tiên	11/8/1992	DH10HH
354	10139275	Trần Thị Thanh	Tuyền	7/12/1992	DH10HH
355	10139134	Nguyễn Thành	Nam	7/10/1992	DH10HH
356	10139135	Giang Phương	Nga	26/06/92	DH10HH
357	10139205	Nguyễn Thị Thu	Thảo	7/10/1992	DH10HH
358	10139287	Nguyễn Tấn	Vũ	21/09/92	DH10HH
359	10123148	Trần Duy	Phương	1/5/1991	DH10KE
360	10123005	Nguyễn Thị Bích	Phương	19/12/92	DH10KE
361	10123159	Châu Thị	Quỳnh	20/02/91	DH10KE
362	10123092	Nguyễn Bích	Liễu	23/11/92	DH10KE
363	10123078	Lê Thị Thu	Hường	5/12/1992	DH10KE
364	10123009	Đỗ Thị Kim	Bảo	8/8/1992	DH10KE
365	10143091	Lê	Trọng	8/8/1992	DH10KM
366	10143023	Nguyễn Xuân	Hà	2/1/1992	DH10KM
367	10143064	Đoàn Hữu Xuân	Thành	10/1/1992	DH10KM
368	10143059	Trần Thị Ngọc	Quyên	12/2/1992	DH10KM
369	10143002	Vũ Thúy	An	27/09/92	DH10KM
370	10171015	Võ Tấn	Hoan	2/11/1992	DH10KS
371	10171130	Nguyễn Bảo	Nguyên	21/10/92	DH10KS
372	10120053	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	3/5/1992	DH10KT
373	10120009	Nguyễn Văn	Đạo	7/8/1992	DH10KT
374	10120011	Vũ Thị	Đạt	20/10/92	DH10KT
375	10120027	Huỳnh Thị Trúc	Ly	29/10/92	DH10KT
376	10120019	Đinh Thị Thu	Hường	12/7/1992	DH10KT
377	10120029	Võ Thị Thanh	Nhị	1/1/1992	DH10KT
378	10120001	Khổng Thị Lan	Anh	23/12/92	DH10KT
379	10120044	Đào Thị Bích	Trâm	7/12/1992	DH10KT
380	10114092	Trương Quốc	Việt	11/3/1991	DH10LN
381	10127033	Phan Thị Thúy	Giang	3/8/1992	DH10MT
382	10127159	Trần Đức	Tính	29/02/92	DH10MT
383	10113167	Ngô Đình Minh	Toàn	8/7/1992	DH10NH
384	10113221	Thị Kim	Thà	9/6/1990	DH10NH
385	10113045	Lê Thị Thu	Hiếu	8/10/1992	DH10NH
386	10113043	Đỗ Thị Ngọc	Hiền	20/07/92	DH10NH
387	10113180	Hồ Thị Hưng	Truyền	6/3/1992	DH10NH
388	10113205	Nguyễn	Xin	18/03/92	DH10NH
389	10113152	Phạm Thị	Thu	9/10/1992	DH10NH
390	10113217	Huỳnh	Anh	14/03/92	DH10NH
391	10113039	Phạm Ngọc	Hải	31/12/92	DH10NH
392	10137029	Nguyễn Tăng	Thành	2/2/1992	DH10NL

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
393	10137014	Phan Chí	Toàn	14/09/91	DH10NL
394	10116003	Mai Thị Vân	Anh	5/2/1992	DH10NT
395	10116165	Nguyễn Thị Thúy	An	1/9/1990	DH10NT
396	10116064	Trương Minh	Lâu	20/07/92	DH10NT
397	10141032	Tiêu Quốc	Vinh	5/3/1992	DH10NY
398	10141007	Đặng Hồng	Ngọc	29/02/92	DH10NY
399	10154031	Nguyễn Văn	Quí	9/3/1992	DH10OT
400	10124107	Lê Thị	Lụa	8/4/1992	DH10QL
401	10124102	Lữ Thế	Long	26/08/92	DH10QL
402	10124214	Nguyễn Lê Đài	Trang	15/09/92	DH10QL
403	10124273	Lê Thị	Nhi	25/10/90	DH10QL
404	10124014	Huỳnh Công	Ân	6/5/1992	DH10QL
405	10124180	Lê Hồng	Thái	12/3/1991	DH10QL
406	10124111	Võ Đức	Mến	3/5/1992	DH10QL
407	10124032	Trần Tiến	Dũng	20/01/90	DH10QL
408	10124227	Nguyễn Thành	Trung	11/12/1992	DH10QL
409	10124056	Cao Văn	Hiếu	20/04/91	DH10QL
410	10124164	Trần Thị Thanh	Sáng	4/8/1992	DH10QL
411	10124178	Trần Thạch	Thảo	29/12/92	DH10QL
412	10124248	Phan Thị Yến	Vi	13/11/92	DH10QL
413	10124010	Vũ Tuấn	Anh	20/10/91	DH10QL
414	10124088	Ngô Thị Bích	Liên	27/09/90	DH10QL
415	10124258	Võ Thị Kim	Yến	2/1/1992	DH10QL
416	10124190	Trương Hữu	Thọ	24/10/92	DH10QL
417	10124256	Nguyễn Thị Hải	Yến	3/12/1992	DH10QL
418	10124060	Huỳnh Chí	Hoàng	16/02/92	DH10QL
419	10124229	Lê Thị Anh	Trút	12/1/1992	DH10QL
420	10124142	Châu Huỳnh	Nhung	3/12/1992	DH10QL
421	10124239	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	9/7/1992	DH10QL
422	10124254	Hồ ái	Vy	29/09/92	DH10QL
423	10149179	Phan Thị Minh	Thảo	6/11/1992	DH10QM
424	10149013	Phạm Tuấn	Bình	22/02/92	DH10QM
425	10149090	Trang Đặng Như	Lành	14/11/92	DH10QM
426	10149140	Lê Thị Kiều	Oanh	6/9/1992	DH10QM
427	10149045	Lê Văn	Đồng	4/12/1992	DH10QM
428	10149092	Trương Hoàng	Lâm	18/02/92	DH10QM
429	10149194	Bùi Thị Thu	Thủy	21/12/92	DH10QM
430	10149176	Cao Thị Thanh	Thảo	/ /90	DH10QM
431	10149244	Nguyễn Thị	Vân	10/4/1991	DH10QM
432	10149152	Trịnh Bửu Hồng	Phương	28/10/92	DH10QM
433	10149190	Đinh Thị Cẩm	Thu	/ /92	DH10QM
434	10147070	Nguyễn Trọng	Quang	7/8/1992	DH10QR
435	10122164	Đào Đức	Tín	23/05/92	DH10QT
436	10122156	Phạm Thị Bích	Thu	28/08/92	DH10QT

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
437	10122173	Trần Thị Thùy	Trang	20/06/92	DH10QT
438	10122136	Vương Tấn	Tài	6/11/1992	DH10QT
439	10122025	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	19/10/92	DH10QT
440	10122113	Trần Thị Yến	Nhi	20/06/92	DH10QT
441	10122022	Hà Nguyên	Chương	10/3/1992	DH10QT
442	10122091	Nguyễn Thị	Lý	26/05/92	DH10QT
443	10122075	Trịnh Nguyễn Minh	Khiết	9/11/1992	DH10QT
444	10122146	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/09/92	DH10QT
445	10122097	Nguyễn Thị Huỳnh	Nga	9/11/1991	DH10QT
446	10122018	Nguyễn Chí	Bền	26/07/92	DH10QT
447	10122168	Lê Huỳnh Phượng	Trang	4/5/1992	DH10QT
448	10122139	Giòng Vy	Tân	23/04/91	DH10QT
449	10122084	Hồ Mỹ	Linh	5/8/1992	DH10QT
450	10122198	Phan Thị Tuyết	Vân	6/1/1992	DH10QT
451	10122007	Nguyễn Thị Kim	Anh	22/12/91	DH10QT
452	10122176	Nguyễn Huỳnh Kim	Trân	5/1/1992	DH10QT
453	10126017	Nguyễn Hồ Mỹ	Dung	26/10/92	DH10SH
454	10126009	Nguyễn Thị	Cam	28/10/92	DH10SH
455	10158074	Bùi Thị Huyền	Trang	4/12/1991	DH10SK
456	10172058	Trần Ngọc Giáng	Tiên	16/07/92	DH10SM
457	10161002	Nguyễn Trung	Hiếu	30/01/92	DH10TA
458	10161124	Nông Nguyên	Thức	18/06/92	DH10TA
459	10161018	Phạm Văn	Đạt	20/12/91	DH10TA
460	10161038	Võ Thị Tuyết	Hoa	13/09/92	DH10TA
461	10161106	Trần Thị Mỹ	Tâm	26/03/92	DH10TA
462	10135059	Trần Thị Ngọc	Mai	12/1/1992	DH10TB
463	10151091	Trần Thị Huyền	Trang	24/07/91	DH10TB
464	10135053	Phạm Thị	Liên	3/12/1992	DH10TB
465	10135098	Hoàng Chí	Thiện	2/10/1992	DH10TB
466	10135034	Nguyễn Thị Phương	Hiếu	/ /92	DH10TB
467	10135014	Lê Thị Thanh	Diệu	22/08/92	DH10TB
468	10135132	Nguyễn Ngọc	Tú	10/3/1992	DH10TB
469	10135131	Khưu Quốc	Tú	12/3/1992	DH10TB
470	10135001	Nguyễn Thị Kim	Ngân	5/1/1992	DH10TB
471	10164010	Ngô Hoàng	Hiếu	26/03/92	DH10TC
472	10160060	Nguyễn Kim	Ngân	1/4/1992	DH10TK
473	10160154	Huỳnh Anh	Tiến	19/09/92	DH10TK
474	10160027	Lê Diễm	Hằng	20/01/92	DH10TK
475	10150003	Bùi Thị Bi	Bông	25/10/92	DH10TM
476	10150041	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	17/04/92	DH10TM
477	10112108	Đỗ Kinh	Nguyên	26/10/92	DH10TY
478	10112203	Lê Thị Thùy	Trang	7/7/1992	DH10TY
479	10112132	Đặng Mai	Phúc	19/08/92	DH10TY
480	10112163	Nguyễn Thị	Thanh	20/06/92	DH10TY

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
481	10112012	Trương Thị Ngọc	Cẩm	9/7/1992	DH10TY
482	11125142	Nguyễn Minh	Tâm	5/11/1993	DH11BQ
483	11125065	Nguyễn Thị Hồng	Lam	6/4/1993	DH11BQ
484	11145130	Lôi Vỉnh	Phúc	/ /93	DH11BV
485	11145103	Trần Hoài	Linh	18/07/93	DH11BV
486	11145056	Nguyễn Phi	Công	5/5/1992	DH11BV
487	11115012	Ngô Thị Huyền	Thoại	25/12/93	DH11CB
488	11117003	Huỳnh Văn	Khang	13/03/93	DH11CT
489	11151048	Nguyễn Thị	Tình	27/07/93	DH11DC
490	11151015	Nguyễn Thị	Thanh	20/06/93	DH11DC
491	11151056	Võ Thị Kim	Thoa	15/10/93	DH11DC
492	11151079	Tăng Mỹ	Hoàng	19/12/93	DH11DC
493	11151078	Nguyễn Nhật	Trâm	7/1/1993	DH11DC
494	11148180	Nguyễn Thị Kim	Oanh	24/09/93	DH11DD
495	11148067	Đinh Võ Ngọc	Chi	29/09/93	DH11DD
496	11148063	Lê Thị Hồng	Cẩm	21/01/93	DH11DD
497	11148329	Nguyễn Thị	Quý	26/02/93	DH11DD
498	11148031	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	23/08/93	DH11DD
499	11157111	Lê Thị Hồng	Gấm	29/11/93	DH11DL
500	11157035	Lê Thị Thủy	Tiên	9/4/1993	DH11DL
501	11130052	Phạm Phú Minh	Quân	27/04/93	DH11DT
502	11142106	Huỳnh Thị Kim	Thu	6/9/1993	DH11DY
503	11142058	Nguyễn Thanh	Huệ	20/09/93	DH11DY
504	11142022	Võ Thị Ngọc	Anh	8/3/1993	DH11DY
505	11123107	Nguyễn Thị Kim	Hiền	7/5/1992	DH11KE
506	11123021	Tô Khánh	Linh	16/08/93	DH11KE
507	11123117	Nguyễn Thanh	Lan	15/04/93	DH11KE
508	11123109	Phan Như	Hoài	21/09/93	DH11KE
509	11123127	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/05/93	DH11KE
510	11123150	Hồ Thị	Thơ	12/1/1993	DH11KE
511	11143022	Trần Lê Phương	Thảo	17/01/93	DH11KM
512	11143209	Nguyễn Đoàn Hồng	Thanh	14/06/93	DH11KM
513	11121010	Nguyễn Thị Thương	Thương	9/6/1992	DH11KT
514	11120024	Trương Thị Thúy	Sang	28/10/92	DH11KT
515	11120104	Bùi Thị Túy	Phượng	20/10/92	DH11KT
516	11127108	Dương Thị	Hương	9/11/1993	DH11MT
517	11127027	Đỗ Kim Thành	Phú	12/9/1993	DH11MT
518	11127199	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1/11/1993	DH11MT
519	11113250	Vũ Thị	Huế	6/10/1993	DH11NH
520	11113031	Trần Ngọc	Sơn	26/11/92	DH11NH
521	11146061	Phan Thị	La	10/9/1993	DH11NK
522	11141047	Trần Thị Kim	Nhung	13/08/93	DH11NY
523	11141048	Đặng Thị	Thủy	2/9/1991	DH11NY
524	11141064	Hồ Văn Hồng	Quyên	19/10/92	DH11NY

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
525	11124117	Hà Thị Mai	Trinh	11/11/1993	DH11QL
526	11124016	Vũ Long	Hải	26/05/93	DH11QL
527	11124026	Nguyễn Văn	Huấn	25/12/92	DH11QL
528	11124125	Nguyễn Văn	Rasin	3/5/1993	DH11QL
529	11124068	Đỗ Quang	Thảo	16/03/93	DH11QL
530	11124119	Lê Võ Ngọc	Vũ	14/11/92	DH11QL
531	11149020	Nguyễn Minh	Hoàng	30/10/93	DH11QM
532	11147136	Nguyễn Đình	Vinh	12/4/1993	DH11QR
533	11122037	Trần Văn	Tí	10/9/1992	DH11QT
534	11122069	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	9/5/1993	DH11QT
535	11126272	Huỳnh Minh	Hiền	29/01/93	DH11SH
536	11126039	Trương Thị Kiều	Trang	9/3/1993	DH11SH
537	11126327	Tạ Thị Hoàn	Thiện	3/8/1993	DH11SH
538	11126041	Nguyễn Thị Thu	Dung	15/09/93	DH11SH
539	11126038	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	5/6/1993	DH11SH
540	11172018	Nguyễn Thị Kim	Ngân	2/4/1993	DH11SM
541	11161056	Nguyễn Hoàng	Thái	20/06/93	DH11TA
542	11161007	Phùng Tuyết	Vân	20/04/93	DH11TA
543	11135044	Đỗ Thị	Hạnh	6/9/1993	DH11TB
544	11135070	Phạm Thị Đoan	Trang	13/01/93	DH11TB
545	11135029	Dương Bảo	Trân	23/09/93	DH11TB
546	11135018	Lê Thị Kiều	Oanh	11/6/1993	DH11TB
547	11135071	Cao Phan Diễm	Trinh	3/2/1993	DH11TB
548	11135064	Dương Quý	Thủy	24/01/93	DH11TB
549	11164027	Trương Tấn	Phúc	13/05/93	DH11TC
550	11164022	Lê Thị Như	Ngọc	31/08/93	DH11TC
551	11150053	Đàm Thị Thảo	Nguyên	3/6/1993	DH11TM
552	11150047	Ngô Ngọc Khánh	Linh	24/12/93	DH11TM
553	11112294	Nguyễn Anh	Tuấn	21/06/93	DH11TY
554	12130076	Võ Trung	Kiên	15/03/94	DH12DT
555	12130108	Nguyễn Tuấn	Thanh	7/3/1994	DH12DT
556	12130086	Mai Hoàng	Nam	10/1/1994	DH12DT
557	12113286	Đặng Lê Anh	Toàn	24/05/94	DH12NH
558	12122244	Nguyễn Trọng	Tín	2/3/1994	DH12QT
559	09425011	Nguyễn Thị Thanh	Dung	04/08/85	LT09BQ
560	09425108	Tran Dinh	Trong	22/03/86	LT09BQ
561	09425115	Đỗ Thị	Tươi	07/02/87	LT09BQ
562	09419014	Lê Văn	Tài	/ /87	LT09CC
563	09416020	Nguyễn Thị Anh	Phươnng	14/10/85	LT09NT
564	09416014	Tran Minh	Kha	09/09/85	LT09NT
565	09424042	Dương Minh	Phú	23/01/88	LT09QL
566	09424037	Trần Thị Vương	Minh	15/06/85	LT09QL
567	09424050	Ho Thi Tue	Thanh	09/06/91	LT09QL
568	09424007	Nguyen Van	Dien	#N/A	LT09QL

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp
569	08424043	Huỳnh Thị Mai	Thy	/ /84	LT09QL
570	09424053	Lê Thi	Thảo	15/02/86	LT09QL
571	09424049	Tran Quoc	Thang	26/01/87	LT09QL
572	09424031	Đặng Hữu	Linh	30/07/85	LT09QL
573	09424009	Huỳnh Thị Thuy	Dương	05/03/87	LT09QL
574	08131145	Trương Hoài	Thanh	20/05/90	LT09SH
575	09426024	Trần Nam	Trung	01/01/13	LT09SH
576	10425006	Cao	Cường	4/12/1984	LT10BQ
577	10425031	Trần Kim	Ngọc	9/2/1987	LT10BQ
578	10425021	Phạm Thanh	Hùng	23/10/85	LT10BQ
579	10425062	Trần Thị ánh	Tuyết	20/09/89	LT10BQ
580	10425034	Mai Hoàng	Nhi	16/01/88	LT10BQ
581	10425050	Nguyễn Thị	Thu	27/10/87	LT10BQ
582	10425059	Lê Thanh	Tuấn	5/10/1986	LT10BQ
583	10416002	Đỗ Thị Bích	Hòa	25/09/88	LT10NT
584	10424081	Dương Thị Ngọc	Tú	25/11/87	LT10QL
585	10424054	Trần Thị Kim	Phúc	15/04/88	LT10QL
586	10424029	Nguyễn Tiến	Khánh	8/11/1983	LT10QL
587	10424044	Ngô Vĩnh	Minh	26/02/88	LT10QL
588	10424015	Đỗ Thị	Hà	2/8/1988	LT10QL
589	10426005	Nguyễn Trường	Giang	1/1/1988	LT10SH
590	11416019	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	2/10/1989	LT11NT
591	11416007	Đào Thúy	Hương	30/10/90	LT11NT
592	11424041	Lê Thị Tố	Linh	25/11/88	LT11QL
593	11424003	Nguyễn Thị Hồng	Ân	20/08/90	LT11QL
594	11424010	Nguyễn Văn	Chọn	2/2/1989	LT11QL
595	11424039	Trần Thị Trúc	Liên	28/06/88	LT11QL
596	11424026	Tạ Thị Thúy	Hoa	1/9/1989	LT11QL
597	11424019	Đoàn Thị Kim	Hà	10/11/1989	LT11QL
598	11424053	Trần Ngọc	Phương	10/12/1989	LT11QL
599	11424070	Lê Thị Yến	Trang	23/10/88	LT11QL
600	11424004	Đặng Tuấn	Anh	16/07/88	LT11QL
601	11426028	Đinh Thành	Tiến	25/09/90	LT11SH
602	09416019	Trần	Phước	28/3/86	LT11SH

Danh sách có 602 sinh viên đạt.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng